BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 213/2014/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014*

THÔNG TƯ
Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng máy bay, nhiên liệu bay thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở các mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mặt hàng xăng máy bay, nhiên liệu bay tương ứng với giá mặt hàng xăng máy bay, nhiên liệu bay trên thị trường thế giới tại Công văn số 16661/BTC-CST ngày 29/11/2012 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng máy bay, nhiên liệu bay thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 185/2014/TT-BTC ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng máy bay, nhiên liệu bay thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng máy bay, nhiên liệu bay thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm

theo Thông tư số 185/2014/TT-BTC ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

DANH MỤC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG THUỘC NHÓM 2710

(Ban hành kèm theo Thông tư số 213/2014/TT-BTC ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
27.10	**Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải**	
	- Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ nhiên liệu sinh học và trừ dầu thải:	
2710.12	- - Dầu nhẹ và các chế phẩm:	
	- - - Xăng động cơ:	
2710.12.11	- - - - RON 97 và cao hơn, có pha chì	27
2710.12.12	- - - - RON 97 và cao hơn, không pha chì	27
2710.12.13	- - - - RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 có pha chì	27
2710.12.14	- - - - RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 không pha chì	27
2710.12.15	- - - - Loại khác, có pha chì	27
2710.12.16	- - - - Loại khác, không pha chì	27
2710.12.20	***- - - Xăng máy bay, trừ loại sử dụng làm nhiên liệu máy bay phản lực***	***20***
2710.12.30	- - - Tetrapropylen	27
2710.12.40	- - - Dung môi trắng (white spirit)	27
2710.12.50	- - - Dung môi có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1% tính theo trọng lượng	27
2710.12.60	- - - Dung môi nhẹ khác	27
2710.12.70	- - - Naphtha, reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng động cơ	27

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
2710.12.80	- - - Alpha olefin khác	27
2710.12.90	- - - Loại khác	27
2710.19	- - Loại khác:	
2710.19.20	- - - Dầu thô đã tách phần nhẹ	5
2710.19.30	- - - Nguyên liệu để sản xuất than đen	5
	- - - Dầu và mỡ bôi trơn:	
2710.19.41	- - - - Dầu khoáng đã tinh chế để sản xuất dầu bôi trơn	5
2710.19.42	- - - - Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay	5
2710.19.43	- - - - Dầu bôi trơn khác	5
2710.19.44	- - - - Mỡ bôi trơn	5
2710.19.50	- - - Dầu dùng trong bộ hãm thủy lực (dầu phanh)	3
2710.19.60	- - - Dầu biến thế và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch	5
	- - - Nhiên liệu diesel; các loại dầu nhiên liệu:	
2710.19.71	- - - - Nhiên liệu diesel cho ô tô	23
2710.19.72	- - - - Nhiên liệu diesel khác	23
2710.19.79	- - - - Dầu nhiên liệu	24
2710.19.81	***- - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23°C trở lên***	***20***
2710.19.82	***- - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23°C***	***20***
2710.19.83	- - - Các kerosine khác	26
2710.19.89	- - - Dầu trung khác và các chế phẩm	15
2710.19.90	- - - Loại khác	3
2710.20.00	- Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên là dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, có chứa dầu diesel sinh học, trừ dầu thải	5
	- Dầu thải:	
2710.91.00	- - Có chứa biphenyl đã polyclo hóa (PCBs), terphenyl đã polyclo hóa (PCTs) hoặc biphenyl đã polybrom hóa (PBBs)	20
2710.99.00	- - Loại khác	20